

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HOÀ  
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **32/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 08/7/2021

V/v: Hôn nhân gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Hiệp-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXX- ST ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1989; HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh B; Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh B- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Dương Ngô L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn xin ly hôn ngày 12/3/2021, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Triệu Thị H) trình bày:*

Chị và anh Dương Ngô L cưới nhau có tình hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/3/2015 tại UBND xã H. Sau khi cưới chị về nhà anh L làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh L. Tình cảm vợ chồng bình thường được 7 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng có nhiều quan điểm sống bất đồng, không hợp nhau về cuộc sống, một phần do anh L không có công ăn việc làm ổn định và không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được gia đình hai bên nội ngoại động viên hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng và trầm trọng nên chị đã chuyển ra khỏi nhà anh L từ tháng 3/2021, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ,

không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh L, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh L, đề nghị Tòa giải quyết để chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Dương Triệu Thùy L, sinh ngày 27/3/2015. Hiện nay cháu đang ở với bố là anh Dương Ngô L, cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị để anh L được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn (anh Dương Ngô L) trình bày:* Anh và chị Triệu Thị H kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình, đến năm 2018 thì vợ chồng ra ở riêng. Trong cuộc sống vợ chồng anh L, chị H hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến tháng 02/2021 vợ chồng xảy ra xô sát, tuy nhiên sau đó vợ chồng bình thường trở lại. Sau đó chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn V, xã L, huyện L, tỉnh B từ tháng 3/2021 đến nay không quay về gia đình anh, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh và gia đình đã khuyên bảo chị H về đoàn tụ nhưng không được, anh trực tiếp lên đơn chị H về nhưng gia đình đẻ của chị H ngăn cản không cho chị H về cùng với anh. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, hơn nữa hiện nay con chung của vợ chồng vẫn còn bé, mỗi lúc cháu đi học về là cháu buồn và khóc nên chị H có đơn xin ly hôn anh không đồng ý. Từ khi chị H chuyển về nhà mẹ đẻ ở, thỉnh thoảng anh vẫn lên thăm chị H, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Đến nay chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh, thì anh vẫn không đồng ý. Ngoài việc tiếp tục động viên, khuyên bảo chị H thì anh cũng không còn phương án nào khác để vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Anh L xác định vợ chồng có 01 con chung là Dương Triệu Thùy L, sinh ngày 27/3/2015 như chị H trình bày là đúng. Hiện nay cháu đang ở với anh, cháu vẫn phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn nếu chị H muốn nuôi con chung thì anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi con chung; nếu chị H không muốn nuôi con chung thì đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu Dương Triệu Thùy L. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên tòa anh yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Tại Tòa án anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm 180 triệu đồng anh đã chuyển cho chị H qua tài khoản và 50 triệu đồng còn nợ của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H được ly hôn anh Dương Ngô L.

Về con chung: Giao anh Dương Ngô L trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Dương Triệu Thùy L, sinh ngày 27/3/2015. Chị Triệu Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L theo quy định của pháp luật. Chị Triệu Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Tách yêu cầu chia tài sản của anh Dương Ngô L để giải quyết ở vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu khởi kiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Triệu Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000694 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Chị H còn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2021 của chị Triệu Thị H đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Triệu Thị H (là nguyên đơn) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn có tên nêu trên.

### [2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H và anh Dương Ngô L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị H thấy rằng: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị H và anh L từ khi kết hôn có thời gian chung sống bình thường nhưng tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên đã xảy ra cãi cọ nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 3/2021, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị H có đơn xin ly hôn, anh L xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để

cùng nuôi con chung của vợ chồng vì hiện nay cháu còn nhỏ nhưng anh L lại không có phương án nào để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau, trong khi đó chị H lại kiên quyết xin ly hôn anh L, không đồng ý quay về đoàn tụ cùng anh L. Địa phương xác định vợ chồng anh L, chị H thời gian gần đây có nảy sinh mâu thuẫn, chị H đã chuyển ra khỏi nhà anh L và về nhà mẹ đẻ ở huyện Lục Nam sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn anh L là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị H cần được chấp nhận.

[2].3. *Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của đương sự thấy rằng:* Chị H và anh L đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Triệu Thùy L, sinh ngày 27/3/2015, hiện nay cháu bé đang ở với anh L và phát triển bình thường. Ly hôn chị H đề nghị để anh L được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng vì hiện nay chị đang thất nghiệp, không đủ điều kiện nuôi con và cháu L vẫn đang ở với anh L cùng gia đình bên nội. Đối với anh L xác định trường hợp vợ chồng ly hôn nếu chị H muốn nuôi con chung thì anh L đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con chung; nếu chị H không muốn nuôi con chung thì đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L được nuôi dưỡng cháu Dương Triệu Thùy L. Địa phương cũng xác định hiện nay cháu L vẫn ở cùng anh L và gia đình bên nội, cháu phát triển bình thường; trường hợp vợ chồng ly hôn để đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm sinh lý cũng như điều kiện môi trường học tập, địa phương đề nghị để anh L được tiếp tục nuôi con chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay chị H đang thất nghiệp, anh L làm nghề lái xe có thu nhập hàng tháng ổn định, có đầy đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ, cần giao con chung của vợ chồng cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình. Cho nên đề nghị được nuôi con chung của anh L được chấp nhận. Chị H được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2].4. *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Tại phiên tòa, anh L yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh L hàng tháng, mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét thấy: Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao thì mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tối thiểu không dưới  $\frac{1}{2}$  mức lương tối thiểu (nay là mức lương cơ sở) do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Hiện nay mức lương cơ sở Nhà nước quy định là 1.490.000đ, tuy nhiên hiện nay để nuôi dưỡng 01 đứa trẻ cần phải chi phí ở mức lớn hơn 1 tháng lương cơ sở do nhà nước quy định mới đảm bảo cho đứa trẻ phát triển bình thường. Khả năng kinh tế của chị H hiện nay đã bị giảm sút do công việc không ổn định, căn cứ vào hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng của anh L ở mức 1.000.000đ/1 tháng là phù hợp.

[2].5. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* Tại Tòa án chị H và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh L yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa các đương sự đều không

yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản của vợ chồng, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đều không yêu cầu giải quyết về tài sản. Vì vậy, tại phiên tòa anh L mới yêu cầu chia tài sản là không có căn cứ chấp nhận để giải quyết trong cùng một vụ án này, nếu đương sự có đơn yêu cầu giải quyết thì sẽ được giải quyết ở vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].6. Về án phí: Chị Triệu Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị H được ly hôn anh Dương Ngô L.

*Về con chung:* Giao anh Dương Ngô L trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Dương Triệu Thùy L, sinh ngày 27/3/2015. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (Dương Triệu Thùy L, sinh ngày 27/3/2015) cùng anh Dương Ngô L mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2021 trở đi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về án phí:* Chị Triệu Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000694 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Chị Triệu Thị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã H.
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Toàn**